

Truyện Thuyết về Cây Đàn Guitar

Ngày xưa có một cụ già và người con gái sống ở miền Nam Tây Ban Nha trong một ngôi nhà gỗ. Thời đó, cụ già nổi tiếng là một người thợ mộc giỏi, có người còn nói cụ là người thợ mộc tài danh nhất! Con gái của cụ tên là Citra. Nàng có giọng hát tuyệt vời có một không hai. Mỗi lần nàng cất tiếng hát, mọi người đều dừng lại lắng nghe, ngay cả chim trên cành cũng im hót để thưởng thức... Đâu chi có thế, giọng hát của Citra còn có năng lực chữa bệnh thần kỳ. Dân chúng khắp miền nam Tây Ban Nha thường tìm đến yêu cầu nàng hát mỗi khi có dịch bệnh phát sinh.

Một đêm mưa bão, có người gõ cửa ngôi nhà gỗ của cha con nàng! Họ mở cửa. Đứng trước ngưỡng cửa là một bà già khốn khổ, áo quần tả tơi ướt đẫm. Bà già lạnh cóng, cơ hồ đứng không muốn nổi. Hai cha con vội vàng nhóm bếp lò và mang quần áo khô cho bà cụ, rồi cho bà uống sữa nóng với mật ong cho lại sức.

Sáng hôm sau, khi bà cụ đã hồi sức, bà cho Citra biết cụ có một cô cháu nội đang ốm nặng sắp chết vì mắc phải một căn bệnh là kỳ khiến mọi lang y đều bó tay. "Đó là lý do một bà già như lão phải lặn lội cả tháng trời đến đây gặp cô, Citra ạ, chỉ để cầu xin cô cứu cháu nội tôi." Và bà lão ngồi hàng giờ kể cho Citra nghe về cô cháu. Càng nghe, Citra càng cảm thấy gần gũi, gần bó với cô gái đáng thương chưa quen biết như thể đã thân thiết tự bao giờ.

Hôm sau, nàng cáo từ cha già để theo bà lão đi cứu cô cháu bằng chính giọng hát của nàng. Người cha nhờ hai người bạn đi theo hỗ

trợ và sau mấy tuần lễ họ đã đến một ngôi làng ở Asturias. Cô cháu của bà cụ đã ngất liệt, thoi thóp gần chết. Citra liền cất tiếng hát. Chưa bao giờ trong đời mình nàng hát hay đến như thế! Nàng hát mãi không thôi... cho đến ngày thứ ba thì cô gái mở mắt tỉnh dậy. Căn bệnh quái ác đã được cứu chữa!

Nhưng trên đường về, một trận bão tuyết trên vùng núi lạnh đã chôn vùi Citra và hai người bạn già đồng hành. Khi bão đã tan, may sao một đoàn người bắt gặp Citra vùi sâu trong tuyết và lạnh cứng như chết. Họ đã cứu nàng và đưa về với người cha già.

Citra thoát chết, nhưng vì thanh quản đã bị liệt vì tuyết lạnh, nàng không bao giờ còn cất tiếng hát được nữa. Thế là nàng trở nên u sầu, lúc nào cũng đắm chìm trong một trạng thái ưu uất đáng sợ...

Nóng lòng muốn cứu con gái, người cha bỗng nhớ ra mình còn một súc gỗ hồng trong nhà kho chứa đồ làm mộc của mình. Thế là ngày ngày ông cụ hết chăm lo cho Citra lại đục đẽo trong nhà kho âm thầm làm một món quà cho con gái. Ông cứ gọt cả năm ròng và cuối cùng hoàn thành một thứ nhạc cụ lạ kỳ nhưng xinh đẹp mang hình dáng một người thiếu nữ. Sau đó ông nhờ những người thợ săn trong làng săn về cho ông hai con nai. Một con lớn, ông lấy gân chân căng ra làm những sợi dây trầm; còn con tơ, ông ấy gân căng làm những dây bổng.

Khi cây đàn hoàn tất, ông đứng trước cửa nhà vuốt ngón tay trên những sợi dây đàn gân thú. Một chuỗi âm thanh sâu lắng, quyến rũ ngân rung... Lần đầu tiên, từ khi bình phục, Citra bước ra ngưỡng cửa tìm xem những âm thanh thần tiên ấy phát ra từ đâu.

Người cha trao cho nàng cây đàn độc đáo ấy. Citra nâng đàn lên và ắt đầu dạo nhạc. Tiếng đàn bay bổng... Dân chúng khắp miền nam Tây Ban Nha tìm đến xem chiếc đàn lạ lùng ấy. Mỗi lần nàng cất tiếng đàn, mọi người đều dừng lại lắng nghe, ngay cả chim trên cành cũng im hót để thưởng thức... Đâu chỉ có thế, tiếng đàn của Citra còn có năng lực chữa bệnh thần kỳ như tiếng hát của nàng ngày trước. Dân chúng thường tìm đến yêu cầu nàng đàn mỗi khi có dịch bệnh phát sinh....

Cái tên Citra dần lan truyền khắp thế giới và cây đàn đã được đặt theo tên nàng cũng được mô phỏng ở khắp nơi. Ở Ấn Độ, cây đàn của nàng được gọi là đàn Sitar (hay Chitar), ở Ý nhạc cụ này được gọi là Chitarra. Một số nơi khác, chữ "C" được đổi thành chữ "G" và thế là ngày nay ta có đàn Gitara ở Tây Ban Nha, đàn Guitare ở Pháp, đàn Guitar ở Anh-Mỹ, và đàn Ghi-ta ở Việt Nam.

TRẦN ĐỨC TÀI dịch
(theo Donald Henaban, "The Segovia Legacy")

Ôi ... Cây Đàn Guitar

Guitar là nhạc cụ mà bất cứ chàng trai nào cũng có lúc muốn tìm hiểu lai lịch của nó. Guitar đã chu du khắp bốn phương trời và tạo nên những chiến công hiển hách. Tiếng guitare luôn là một thứ âm thanh mê hoặc, kỳ diệu, làm say đắm lòng người. Lịch sử guitar chứng kiến lắm cảnh thăng trầm.

Guitar từng có 12 dây, 3 cần, không lỗ, nhỏ như mandoline hoặc bị xem là tròn "gia trung hữu cầm, nữ tử tắc dâm". Guitar cũng có khi

xêch xang vớng điều vì là trò giải khuây của giới quý tộc và con nhà gia giáo. Nhưng một trong những trường phái nổi danh nhất của guitar lại ra đời từ những con người khổ rách áo ôm, lang bạt kỳ hồ. Guitar chinh phục được những vùng đất thủ cựu bậc nhất, giúp nhiều nhạc sĩ thành danh và tạo nên một sắc màu độc đáo trong số các nhạc cụ trên thế giới.

Đơn giản, gọn nhẹ và còn bình dân

Trong tất cả các loại nhạc cụ, guitar chiếm vị thế "chiếu trên", lại bình dân, không đòi hỏi gì nhiều. Nó không thuộc loại ta đây Kê Chợ như piano, cũng chẳng cồng kèn như contrebasse. Bất cứ ai cũng chơi guitare được, dù phèng phèng như bật bông hay "sáu dây rỏ máu năm đầu ngón tay" như Segovia. Trong mọi cuộc sinh hoạt tập thể, guitar tạo ngay không khí hứng hực, nổi vòng tay lớn. Guitar song hành với điệu tango Nam Mỹ bốc lửa, làm nên chân dung Tây Ban Nha vẫy xòe mũ rộng. Guitar chễm chệ tại Mexico nâng lửa, hiện diện tại những buổi biểu diễn trang trọng của Paris hay Vienne. Mọi ban nhạc trẻ đều không thể bỏ qua guitare điện. Khi Eagles chơi lại "Hotel California" - dù với guitar thùng thì hiệu quả vẫn thế. Chơi guitar, người ta không mỏi cổ đau vai như violon, không phình bụng lấy hơi như flute, và cũng chẳng phải đổ mồ hôi như trống. Vậy, tạo ra guitare là cả một kỳ công. Lịch sử guitar ắt hẳn là tiểu thuyết chương hồi, đầy vinh quang và nước mắt.

Một bức phù điêu thời xa xưa cho thấy bên mộ vua Thèbes có hình một người đàn ông quỳ gối, cầm một nhạc cụ hơi dài và có cán. Triều đại của vị vua này kéo dài từ

năm 3762 đến năm 3703 trước Công Nguyên. Các sử gia cho rằng guitar đã có 38 thế kỷ tồn tại chứ không ít ỏi gì. Ai Cập gọi là kithara, Chaldé gọi là chetarah, Assyrie gọi là ketharah, Hy Lạp cũng gọi là quitara). Những cuộc tâm nguyên vật và nhất cho rằng chữ guitare bắt nguồn từ tiếng Ba Tư ki-tar (nghĩa là ba dây). Nếu điều này đúng, cụ tổ của guitare chỉ là tam huyền cầm. Nhưng lịch sử đâu có đơn giản vậy: cây kithara của dân Hy Lạp có đến 7 dây, còn ở Alexandre, vào khoảng năm 285 trước Công nguyên, có 300 nhạc công kithara. Họ đều thuộc loại ăn trên ngòi trốc, được xã hội nể vì, có quyền "ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau".

Một số người định thêm hoặc bớt dây cho dụng cụ này, nhưng bị cấm tiệt, chỉ vì thiên hạ xem tổng thể kithara là toàn bích. Thế kỷ thứ sáu, ở xứ Galles có loại nhạc cụ lai giữa guitare và lyre, có 6 dây. Nhiều cuộc so tài đã diễn ra giữa những ai yêu thích nó, thậm chí, nó còn là tiêu chuẩn cho những anh "đũa mốc chôi mâm son", nghĩa là nghèo có truyền thống mà dám mơ tưởng tiểu thư cây quỳnh cành dao. Tại nhiều tu viện của Pháp, còn lắm bức họa tả cảnh guitare đang chinh phục lòng người. Những sử gia uyên bác nhất còn tin rằng vào thế kỷ 11, Pháp có đến 900 nhạc cụ, trong đó có 25 loại phổ thông và tất nhiên có guitare. Năm 1209, vì nhiều biến cố, các nhạc công xê đàn tan ghé, kẻ Đông người Đoài; thành thử phong trào tình tang cũng suy tụt hạ hồi. Tây Ban Nha có hai loại đàn, một là guitar latina và hai là guitare morisca. Danh thủ guitare lão luyện đầu tiên cho lịch sử là một ông mang tên Juan de Palencia (1414). Ba năm sau, nổi lên hai danh thủ khác là Alonso de Toledo và Rodrigue de la Guitarra, đều công dân xứ đầu bò cả. Lúc

này Pháp và Tây Ban Nha hội nhập văn hóa, thành ra âm nhạc ăn theo. Guitar được cải tiến, thêm dây, gọt lưng cho phẳng, thay vì nổi bướu như trước. Dù sao, tận khi này, thiên hạ vẫn có hai loại đàn: một là guitare dành cho đại đa số quần chúng, hai là vihuela chỉ dành cho con nhà kín cổng cao tường.

TRẦN ĐỨC TÀI dịch
(theo Donald Henaban, "The Segovia Legacy")

Những bước thăng trầm của Guitare

Năm 1720, vì lý do chỉ có trời mới biết, Pháp bỗng tung hô những nhạc cụ khác mà ngoảnh mặt với guitare. Còn Đức lại cải biên đàn luth cho trũng và thanh hơn, thêm vào dây thứ sáu... Lúc này, chơi đàn luth cải biên quả là khổ hình, vì rất dễ "phô", chói tai khôn tả. Năm 1770 là năm hồi sinh của guitare, châu Âu lại đưa nó lên đài vinh quang. Thế kỷ 19 là thời hoàng kim, với những danh cầm cự phách như Matteo Carcassi và Ferdinando Carulli của Ý, hay Dionisio Aguado và Fernando Sor của Tây Ban Nha. Riêng Fernando xứng đáng là đại cao thủ. Từ bé, ông đã vùi đầu vào âm nhạc, chơi sõi cả orgue. Nhưng dù thế, guitare lại bị thất sủng lần hai trên toàn châu Âu. Họa hoằn lắm, người ta mới lôi guitare ra như một dụng cụ tiêu sấu hạng bét. Nhiều học giả nửa mùa cho rằng guitare không có âm vực rộng, chả thu hút được ai. Một bác phó mộc Tây Ban Nha tên là Antinio Torres Jurado đã mày mò chỉnh lại hình dáng và giọng hót cho guitare. Ông cũng là tổ sư trong việc dùng gỗ thông làm thùng đàn guitare. Từ năm 1940, nhân loại biết dùng dây nylon cho

guitare, vì loại dây này bền và khỏe hơn, tiếng rõ và vang xa hơn. Lịch sử khai quốc của Mỹ cũng có nhiều kỷ niệm với guitare. Về sau, guitare giá rẻ được sản xuất hàng loạt và rộng rãi theo kiểu quần áo may sẵn, chả nên cớm cháo gì, lại tổn hại thanh danh vạn cổ. Trên thế giới hiện nay, có khoảng 500 triệu cây guitare đang lưu hành, từ loại cực đắt chỉ dành cho dân chơi thứ thiệt đến loại thùng một nơi ngựa một nẻo. Điều đó chứng tỏ guitare vẫn là anh cả trong làng nhạc cụ.

Nhắc đến guitare mà bỏ qua flamenco là thiếu sót lớn. Flamenco là cả một nền văn hóa của Tây Ban Nha, xuất xứ từ khu Andalouise. Theo sử sách, bộ môn này là của người nghèo, dân du mục, chứ không phải thuộc giai cấp thừa tiền lắm của. Flamenco gồm ba yếu tố: hát, múa và guitare. Từ thế kỷ 16, flamenco đã thịnh hành tại một số nước châu Âu, nhưng trường phái flamenco trong guitare thì mãi sau này mới có. Đệ nhị thế chiến đã làm guitare flamenco bị gián đoạn một thời gian dài, các nghệ sĩ phải phiêu bạt kiếm sống. Thập kỷ 40 là thời kỳ flamenco trong guitare lu mờ, sau đó mới lấy lại phong độ. Kỹ thuật flamenco riêng rẽ so với đại trào lưu kỹ thuật guitare hiện đại, nhưng nhiều người vẫn cho rằng chất liệu gỗ đóng vai trò quan trọng trong cây đàn. Gỗ đàn flamenco luôn nhẹ hơn gỗ đàn thường, vì vậy nó cho ra âm thanh nhẹ và vang hơn. Đàn flamenco có một bộ phận gọi là golpeadores, để bảo vệ thùng đàn trước những cú đánh móng nhanh và mạnh. Guitare flamenco là một trường phái riêng biệt, có sức hấp dẫn riêng, tạo thế đứng riêng trong lịch sử.

Người Tây Ban Nha có tình cảm đặc biệt dành cho guitare, vì vậy

mà nhiều tác phẩm - cả văn chương và hội họa - đều dành vị trí trang trọng cho guitare. Grancisco Goya từng vẽ nhiều tranh về guitare. Một số tác phẩm nghệ thuật còn xem guitare là biểu tượng của Tây Ban Nha. Bồ Đào Nha cũng say mê nhạc cụ này. Ý thì được mệnh danh là thủ đô guitar của thế kỷ 18. Những ai chế tạo guitare ở Ý thường là bậc thầy, từng đi xa hiểu rộng, tích lũy kinh nghiệm cũng lắm mà tài năng cũng thừa. Khi văn hóa châu Âu tràn qua tân lục địa, Argentine là xứ sở có nhiều nghệ sĩ nhất, kể cả nghệ sĩ biểu diễn và nghệ sĩ làm đàn. Trong số các anh kiệt, phải kể đến Manuel Macial và Antonio Guerrero.

Những thử nghiệm xương máu trước khi hoàn thiện

Trước kia, phím guitar khá ít, chỉ độ 10, sau đó tăng dần và được kéo dài đến tận gần lỗ tròn như ngày nay. Guitare 6 dây đơn thay cho guitar 6 dây kép là cả một quá trình gian khổ, vì bất cứ sự cách tân nào cũng bị xét nét quá đáng. Thùng đàn được mở rộng theo thời gian, không còn nhỏ xíu như xưa. Con ngựa ra đời, giúp 6 dây được căng hơn, cho ra âm thanh chính xác hơn, vì ngày xưa, chơi guitare đến là khổ: chơi một lát lại phải chỉnh lại dây đã lác thê thảm. Về sau, các dây trầm được làm bằng kim loại quấn quanh tơ tằm. Để có được hình thù như ngày nay, guitare trải qua nhiều cuộc thử nghiệm xương máu, có lúc là quá tai. Thế kỷ 17, guitare có đến 3 cần đàn, mỗi cần 7 dây, chả hiểu làm sao chơi!

Mấy ai ngờ: nhạc sĩ thiên tài Franz Schubert, do không đủ tiền mua piano, đã tạm bằng lòng với guitare, nhờ vậy mà nhân gian lại

có những khúc nhạc bất hủ. Tuy nhiên, nhiều nhạc sĩ lại chưa dành cho guitare vị trí độc tôn, vì họ thường soạn những khúc tứ tấu cho lalto, flute, violoncelle và guitare.

Thời kỳ thăng hoa sau cuộc thi danh cầm của châu Âu

Trong khi đó, tại Nga, guitare 7 dây lại là nhạc cụ khác được "chăm nom" cũng theo kiểu khác. Simeon N. Aksenow là cha đẻ của loại đàn này. Về sau, guitare 6 dây thật sự chinh phục nước Nga, làm nhiều người thê cả đời theo nghiệp kéo violon bỗng chuyển hướng. Số nghệ sĩ violon chuyển sang gảy guitare ở Nga là rất đông. Năm 1856, tại Bruxelles, nghệ sĩ Nga Nicolas, P. Marakow đã tổ chức cuộc thi guitare đầu tiên dành cho các danh cầm châu Âu. Đây thật sự là một cơn "Hoa sơn loạn kiếm" của những ai yêu guitare. Những kỳ nhân của cự lực địa đã tề tựu và tranh tài cũng như góp ý cho việc hoàn thiện guitare. Từ đó, hầu như không còn cuộc hội ngộ nào mang tầm cỡ vang danh bốn bể như vậy nữa. Fernando Carulli xứng đáng là một đại danh cầm trong làng guitare của thế giới khi để lại 360 tác phẩm bất tử và cả 3 quyển sách dạy cách "chơi đùa với guitare".

Sau ông là Matteo Carcassi, người phát triển kỹ thuật Carulli lên cấp cao hơn, biến giáo trình này thành đại giáo trình chung nhất cho cả lục địa. Niccolò Paganini thường được đời ca tụng về tài kéo violon, nhưng ít người biết rằng ông còn là nghệ sĩ guitare có cỡ: 140 tác phẩm solo dành cho guitare đã đến từ con người tài hoa này. Một nghệ sĩ Pháp khác là Napoléon Coste lại bị bỏ quên chỉ vì tai nạn đã cướp đi bàn tay phải của ông. Nếu không

sự nghiệp của ông còn vè vang hơn nhiều. Guitare đã xoay chuyển thời cuộc không ngờ; nhiều nhạc sĩ trước kia chỉ sáng tác cho piano hay violon đã xoay sang sáng tác cho guitare với tâm huyết cả đời. Họ hối hận vì từng xem thường một nhạc cụ lừng lẫy. Cả Von Weber và Richard Wagner đều dành cả phần xác lẫn phần hồn cho guitare. Một cây đại thụ trong làng guitare là Andres Segovia đã đưa nghệ thuật biểu diễn guitare lên nấc thang danh vọng mới. Kỹ thuật di chuyển của bàn tay trái và "phù phép" của bàn tay phải được Segovia hoàn thiện đến mức không còn gì để than phiền. Segovia đã đào tạo nhiều đệ tử chân truyền thuộc loại bảo thủ, với những phong cách riêng biệt, xuất sắc.

Guitare lần hồi chinh phục những vùng đất khó tính nhất trên địa cầu. Nhật Bản - sau chiến tranh - đã có nhiều nghệ sĩ biểu diễn và chế tạo guitare. Trước đây, Nhật Bản là một trong những vùng đất "khép" của guitare. Các tạp chí chuyên về guitare ra đời, có số độc giả rất lớn, thu hút những cây bút có uy tín nhất. Trong số sách báo và tạp chí dành riêng cho guitare, phải kể đến Classical Guitar Magazine (Anh) hay Classical Guitare và Guitar Magazine (Mỹ). Hai tạp chí này đang được phát hành trên cả mạng lưới Internet.

Khi âm nhạc hiện đại làm người ta có cách nhìn mới và cả cách nghe mới, guitare - dù là thùng hay điện - vẫn để lại những dư âm huyền ảo nhất. Guitare đã tạo ra những tên tuổi như Eric Clapton, Jimmy Hendrix, Jeff Buckley và Ben Harper. Guitare điện để lại nhiều khúc solo fantasie cực kỳ biến ảo như trong "The house of the rising sun", "Hotel California". Người Pháp một thời không thích ca sĩ Enrico Macias, nhưng phải gật gù công nhận ca khúc "Guitare, oh

guitare" của ông là tuyệt cú mèo. Guitare xóa được định kiến như vậy đó. Trong điện ảnh, người ta từng có ý định thống kê số lần guitare xuất hiện trên màn bạc, nhưng đành bỏ dở, vì không làm được. Hiện nay, tại một số vùng của Mỹ, guitare 12 dây vẫn được sử dụng một cách bài bản, để nhắc lại thuở vàng son của Blind Willie McTell. Cụ thể của guitare 12 dây là Oscar Schmidt và nơi chôn rạo cắt rốn của loại guitare này là New Jersey. Ông hoàng của loại nhạc cụ này là Huddie Ledbetter, với kỹ thuật chuyên hợp âm thần sầu quý khốc. Vì nhiều nguyên cố, guitare 12 dây lùi vào quá khứ, nhường chỗ cho guitare 6 dây phổ thông như hiện nay.

TRẦN ĐỨC TÀI dịch
(theo Donald Henaban, "The Segovia Legacy")

Họa Mi (Paris, France)

Di sản Segovia

Donald Henaban

Có lẽ không có nhạc sĩ nào vào đầu thế kỷ 20 lại có thể tiêu biểu cho ý niệm lý tưởng của công chúng thế kỷ 19 về mẫu người nghệ sĩ như là danh cầm guitar Andrés Segovia (1893-1987). Suốt sự nghiệp 78 năm trình diễn, con người vĩ đại của cây guitar Tây Ban Nha đã thực sự chuyển tải hình ảnh của một con người giữ nguyên chất thời đại Lãng Mạn, một kẻ duy mỹ không hiểu sao lại lạc bước vào một thời đại khác, kém mỹ miều hơn. Giống như nhạc cảm của ông, tài nghệ âm nhạc của Segovia cũng tinh tế khác thường và tài nghệ ấy càng góp phần tạo nên hình ảnh của một con người thuộc

về một thời đại khi mà nghệ sĩ trông giống nghệ sĩ, ăn mặc như nghệ sĩ, và mong đợi công chúng đối đãi với mình như là nghệ sĩ.

Segovia chào đời ngày 21/2/1893. Từ thuở ấu thơ ở quê nhà Linares, miền nam Tây Ban Nha, Segovia đã mê đắm cây đàn guitar bất chấp sự phản đối gay gắt của người cha; ông ấy chỉ muốn con trai mình đi theo ngành luật. Người cha kinh hãi khi thấy cậu bé đã si mê cây đàn tuy là nhạc cụ dân tộc nhưng vốn bị xem thường ấy. Ông cho Segovia học thử piano và cello nhưng các nhạc cụ quý phái kia không thể nào buộc cậu bé từ bỏ được mối tình với cây đàn guitar. Mối tình ấy đã nhen nhúm ngay từ lúc cậu bé được nghe lần đầu tiên trong đời qua âm điệu của những nhạc công flamenco du mục. Người cha đã đập vỡ đến cây đàn guitar thứ ba của Segovia rồi đành bất lực. Ông không làm sao lôi kéo được cậu con trai thoát khỏi ma lực của thứ nhạc cụ hạ cấp chỉ dành cho dân di-gan mùa may trong những hầm rượu tồi tàn. Rốt cuộc ông đành phải cho phép Segovia theo học danh cầm guitar Miguel Llobet một thời gian ngắn. Tuy nhiên, Segovia chủ yếu vẫn tự mình khám phá lấy những kỹ thuật chơi đàn. Segovia được gia đình gửi đi học nhạc ở Nhạc Viện Granada nhưng chỉ một thời gian cậu bé cũng bị "mời" ra khỏi trường. Không có chỗ cho cây đàn guitar trong thế giới âm nhạc cao quý thời đó! Thế là cậu bé bắt đầu cuộc hành trình cô độc đi tìm lại quá khứ khả kính của cây đàn yêu dấu.

Segovia nhanh chóng phát triển được một kỹ thuật thượng thừa và một tri thức âm nhạc sắc sảo. Mới 16 tuổi, Segovia đã thực hiện thành công cuộc trình diễn đầu tiên và tên tuổi của cậu bé liền lan truyền khắp đất nước Tây Ban Nha.

Sáu năm sau, Segovia làm náo động thế giới âm nhạc Paris khi chàng trình tấu với cây đàn guitar của mình. Thành công đó dẫn dắt Segovia làm một chuyến lưu diễn khắp Nam Mỹ.

Tuy nhiên, mãi đến lần trình diễn chính thức tại Paris năm 1924, trước sự tham dự và xét nét của những nhạc sĩ và văn nghệ sĩ lỗi lạc, thì Segovia mới thật sự nổi tiếng khắp châu Âu. Vào thời ấy, ít người được nghe âm nhạc thần thánh của Johann Sebastian Bach chơi bằng guitar hay thậm chí nghĩ đến một chuyện lạ lùng như vậy. Những nhạc phẩm nguyên thủy được Bach viết cho cây đàn violon quý tộc khi được Segovia chuyển soạn lại cho guitar và trình diễn đã bộc lộ không những thiên tài của chàng trai "phạm thượng" kia mà còn cho thấy tiềm năng của loại nhạc cụ sáu dây "đầu đường xó chợ" này.

New York lần đầu tiên nghe thấy tiếng đàn Segovia năm 1928 trong một buổi trình diễn ở thính đường Tòa Thị Chính. Các nhà phê bình sùng sốt: dưới những ngón tay thần của Segovia, sáu dây đàn guitar phô bày những âm sắc hết sức đa dạng và cực kỳ biểu cảm. Các buổi trình diễn sau đó của Segovia ở New York và các thành phố khác trên đất Mỹ phải chuyển sang những thính đường lớn hơn để đủ chỗ chứa hết số lượng thính giả ngày càng đông.

Cái tên Andrés Segovia đã ghi vào lịch sử âm nhạc thế giới. Ông tiếp tục đeo đuổi sự nghiệp trình diễn và ghi âm thu đĩa của mình với sự trường thọ đáng kinh ngạc bất kể thị lực đã suy giảm vì phải giải phẫu võng mạc vào cuối thập niên 1960. Những nhạc sĩ có sức làm việc bền bỉ và được công chúng yêu mến lâu dài như Segovia chỉ đếm trên đầu ngón tay.

Nếu không có sự gan lì trong bản chất thì nhà quý tộc với tính khí và mỹ cảm phức tạp ấy đã không trở thành một nghệ sĩ biểu diễn lừng danh trong suốt 78 năm trời. Rất may là từ trẻ ông đã hình thành và không bao giờ đánh mất niềm tin đến mức cuồng tín vào tài năng và sứ mệnh của mình. Chính cái tôi ngạo nghễ của Segovia đã bảo vệ Segovia – một yếu tố không thể thiếu cho sự sống còn của bất kỳ người trình diễn nào. Ngay cả những guitarist đồng nghiệp khá nổi tiếng của Segovia cũng khó chịu khi biết rằng những ai không trung thành với nghệ sĩ bậc thầy ấy, hay không tuân theo phương pháp hoặc ý nhạc của ông đều có thể bị thất sủng hay bị phủ nhận hoàn toàn.

Julian Bream, một trong những học trò cưng của Segovia, đã bị thất sủng bởi vì Bream khẳng định chơi cả đàn `lute lẫn đàn guitar. Trước ý tưởng ngoại đạo ấy, bậc thầy phán: "Một tôi không thể thờ hai chúa." Segovia cũng không đánh giá cao những phiêu lưu trong lãnh vực nhạc pop của một môn đệ người Anh khác, John Williams và đặc biệt là của một số guitarist trẻ trong thập niên 1960 và 1970 khi họ bắt buộc phải chọn phe trong vấn đề này.

Bất kỳ ai tự gọi mình là guitarist nhưng lại chọn cây đàn điện hình thù quái dị với dây nhợ lòng thòng như cuống rốn chưa lia đều lãnh trọn sự khinh miệt của giáo chủ Segovia, bất kể việc một Beatles đã từng tuyên bố rằng Segovia là "cha của tất cả chúng ta." Segovia bất cần sự tán thưởng của công chúng mà lại đòi hỏi sự chung thủy với truyền thống cổ điển – cái truyền thống ấy trong nhiều phương diện chính là một trong những yếu tố tạo dựng ra và duy

trì cái tên Segovia.

Cái tôi quá lớn của Segovia có thể khiến ông phải chọn những vị thế cố chấp: người ta cho rằng ông từ chối trình diễn hay ghi âm "Concierto de Aranjuez" của Rodrigo – một tác phẩm phổ thông nhất trong vốn tiết mục trình tấu ghi âm cho đàn guitar – chỉ vì nhà soạn nhạc mù người Tây Ban Nha ấy đã đề tặng bản concerto năm 1939 cho Sainz de la Maza, một guitarist khác. Để biện hộ cho Segovia, phải nói rằng bản thân ông không ưa chuộng mấy thể loại nhạc hợp tấu (ensemble), mặc dầu thỉnh thoảng ông có chơi các concerto của Ponce và Villa-Lobos, cũng như "Fantasia para un gentil hombre" của Rodrigo – một sự kính nể khá muộn màng của Rodrigo khi viết tặng cho chính Segovia bản concerto này vào năm 1954. Trong vai trò người biểu diễn, ông vừa là nhung lụa vừa là sắt thép, một sự kết hợp mà cả ngàn môn đệ lẫn những kẻ bắt chước ông trên khắp thế giới không thể sao chép được. Trong tất cả các cầm thủ tuyệt kỹ náo loạn của thế giới guitar ngày nay, không có âm thanh nào lại vừa tự nhiên lại vừa được nắn nót tinh vi như là tiếng đàn Segovia, đặc biệt là trong thời kỳ sung mãn nhất của ông. Không ai có thể chơi "Leyenda" của Albeniz sánh được Segovia với những cảm xúc dữ dội bị kềm nén, những dòng âm thanh trào dâng và chùng lẳng, những màu sắc đa dạng của thanh âm, và với bầu không khí nhạc Ấn Tượng triền miên.

Vào thời mà các nhà âm nhạc học lẫn người biểu diễn đều coi trọng cách diễn tấu trung thực theo tính chất của thời đại âm nhạc, cách Segovia thể hiện "Chaconne" của Bach lại nghe rất riêng tư đến thảng thốt và đầy hơi hướm xa vời của chủ nghĩa Lãng Mạn, một cách

diễn tấu có thể nói là lỗi thời trong một số phương diện. Thế nhưng những ai có khả năng cảm nhận được nhịp đập của cuộc sống ẩn giấu trong những nốt ký âm vẫn tin rằng dấu Bach của thời Baroque có sống lại để nghe Segovia chơi "Chaconne" thì Bach cũng phải gật đầu.

Những ngón tay, sự rọi phóng hiển hiện của cái thiên tài khuất lấp, là mối quan tâm không ngừng của Segovia suốt cả tuổi già lẫn những năm tháng son trẻ khi ông tự phát triển một kỹ thuật guitar riêng biệt cho mình, dựa theo những gì biết được từ các bậc tiền bối như Fernando Sor, Dioniso Aguado, Napoleon Coste và Francisco Tárrega. Theo truyền thống, người ta thường chơi đàn với móng của bàn tay phải (phương pháp Aguado) hay bằng đầu thịt của ngón tay (theo kiểu Sor và Tárrega). Segovia học hỏi và kết hợp cả hai kỹ thuật này; một kỹ thuật khiến cho cách trình tấu của ông đầy những âm sắc muôn màu trước đó có lẽ chưa từng thấy ở cây đàn guitar. Ông hợp tác chặt chẽ với những nhà làm đàn như Ramirez và Hauser để cải tiến cấu trúc của cây đàn guitar sao cho âm thanh nhỏ nhẹ bầm sinh của nhạc cụ ấy có thể vang xa khắp các hội trường ngày càng lớn với thính giả ngày càng đông khi danh tiếng Segovia ngày càng lừng lẫy. Sự phóng âm ấy rất quan trọng nhất là sau Thế Chiến thứ II, khi giới phê bình và thính giả đã quá quen thuộc với âm lượng áp đảo của những danh cầm piano bấy giờ.

Bản thân Segovia không bao giờ nhượng bộ với âm thanh khuếch đại qua ampli của thời đại mới. Ông đã nghĩ ra nhiều cách lịch sự để làm thính giả im lặng trước khi ông bắt đầu chơi đàn. Những cách thức ấy đã trở thành một biểu tượng mang tên "tiếng suyt

Segovia". Vào những mùa mà những cơn vi-rút bí ẩn có thể khiến đôi ba thính giả co giật vì những tràng ho bùng nổ, Segovia thường dừng giữa hai bài nhạc và đưa chiếc khăn tay lên miệng như một lời nhắc nhở nhẹ nhàng. Nghe Segovia trình diễn đòi hỏi một sự nhạy cảm vượt ngoài khả năng tai nghe đơn thuần. Óc tưởng tượng và sự cảm thông là điều bắt buộc bởi vì như Stravinsky đã nói từ lâu: "Âm thanh của cây đàn guitar không những nhỏ nhẹ mà còn xa vắng."

Dù không phải lúc nào cũng nghe rõ tiếng đàn Segovia, sự cách tân kỹ thuật thấy rõ nhất của ông ra đời sau Thế Chiến thứ II liên quan đến việc chấp nhận và tán thành sử dụng dây đàn nylon – một điều khiến guitarist khắp thế giới mãi mãi ghi ơn. Tất cả đều đồng ý rằng với dây đàn nylon, âm sắc hay hơn và nhất quán hơn trên cả sáu dây đàn, và sự tiện lợi do dây nylon mang lại là vô bờ bến.

Dây đàn làm bằng gân thú của thời xưa không những dễ bị laceration hay đứt ngang vào những lúc bất ngờ nhất mà còn làm cho đầu đàn guitar xoắn vặn rồi rã mất thẩm mỹ. Với việc giáo dục là một thành phần trong di sản vô giá của Segovia, ông được công nhận như một trong những người thầy vĩ đại nhất thế kỷ này. Thế nhưng khác hẳn với hầu hết mọi đồng nghiệp của mình trong số những người trình tấu nhạc cụ danh tiếng nhất của thế kỷ, bản thân Segovia lại không được đào tạo chính quy. Trước Segovia đã có sẵn một truyền thống guitar cổ điển với những danh cầm tuyệt kỹ như Coste, Aguado và Miguel Llobet, nhưng truyền thống ấy đã bị xem như một thứ âm nhạc nghiệp dư hay chìm vào quên lãng, ngay cả ở Tây Ban Nha. Những danh cầm kiêm sáng tác gia như Sor hay

Tárrega lừng lẫy một thời ít được giới âm nhạc chuyên nghiệp biết đến, và đối với giới này thì ngay cả những công phu của Paganini dành cho cây đàn guitar cũng chỉ là những huyền thoại mơ hồ.

Thực tế mà nói, chính âm thanh của tiếng đàn guitar flamenco được dân gypsy du mục gảy móc thô bạo đã mê hoặc Segovia ngay từ lần đầu tiên gặp gỡ; một sự mê hoặc tiên định. Segovia và cây đàn guitar như hai người tình của số phận và tiếng sét ái tình duy nhất thuở ban đầu đối với Segovia là những âm thanh gay gắt inh tai. Thế là Segovia bắt đầu mày mò tự học, và trở thành người tình chung thủy với loại nhạc cụ đáng hoài nghi không hề có vốn nhạc trình diễn và chủ yếu chỉ dùng để đệm cho những bài ca dân gian hay vũ điệu flamenco.

Những danh thủ tiền bối, như Coste, đã từng trình tấu Bach trên cây đàn guitar; nhưng chỉ có Segovia mới có thể làm rung động cả Paris với sự tinh thông Johann Sebastian trong buổi công diễn đầu tiên tại thủ đô Pháp năm 1924. Lúc đó, ông đã tự tạo cho chính mình và những tín đồ tương lai một vốn nhạc trình tấu, mở rộng nỗ lực chuyển soạn của mình vượt xa hơn nhạc của Bach để tìm tới âm nhạc của những tiền bối khả kính xa xưa hơn như Scarlatti, Handel và Purcell, đồng thời cũng dò tìm trong kho tàng âm nhạc của những danh cầm đàn lute cổ xưa như Sylvius Leopold Weiss và Dowland.

Ông còn "xâm lược" (những kẻ xấu miệng đã từng bảo như thế) sang cả vốn nhạc piano linh thiêng – Chopin, Brahms, Albeniz, Granados, Debussy and Scriabin. Các nhạc sĩ nổi danh khác như Castelnuovo-Tedesco, Tansman, Rodrigo, Ponce, Lauro, và Moreno

Torroba cũng đã sáng tác hàng chục tác phẩm cho Segovia hay cho các môn đệ của ông.

Hàng hàng lớp lớp các môn đệ cũng như đối thủ, những kẻ đã được công chúng chấp nhận nhờ thành công của Segovia, đã chiếm lĩnh những đỉnh cao mà Segovia đã giành được, tràn ngập các phòng hòa nhạc và phòng ghi âm. Trong số đó không chỉ có Julian Bream và John Williams mà còn có Rey de la Torre, Eliot Fisk, Laurindo Almeida, Siefried Behrend, Christopher Parkening, Kazuhito Yamashita, David Starobin, Frederic Hand, Sharon Isbin, Liona Boyd, Konrad Ragossnig, Alirio Diaz, Pepe và Angel Romero, Narciso Yepes, Ida Presti, Alexandre Lagoya và Leo Brouwer, vv. Danh sách ấy còn có thể kéo dài hơn nữa. Vị chỉ huy già đã ngã xuống nhưng ngọn cờ của ông vẫn tung bay. Đoàn quân của ông xông tới cùng cố những đồn lũy mà ông đã khó khăn mới chiếm giữ được và không ngừng chiêu mộ những tân binh mới vào hàng ngũ. Guitar cổ điển trở thành một bằng cấp tiêu chuẩn ở nhiều đại học và nhạc viện, và đây đó đã xuất hiện những nhà phê bình âm nhạc có hiểu biết về cây đàn guitar và kho tàng âm nhạc của nó. Những nhà phê bình này có lẽ chính là đại tướng niệm ghê gớm nhất của Segovia, một "giống loài âm nhạc" được khai sinh và tồn tại hoàn toàn nhờ công sức của một mình ông.

Suốt một cuộc đời dài đầy những thành tựu mang tên mình, Segovia chắc chắn phải hiểu rõ giá trị của mình hơn bất kỳ nhà phê bình nào. Kẻ tự học kiêu hãnh này thích thú bông đùa về lợi thế của việc không có thầy: "Cho tới hôm nay, thầy và trò chưa hề có trận cãi nhau nghiêm trọng nào." Bằng cách nào Segovia có được đôi cánh mạnh mẽ đưa ông bay bổng tới những tầng

trời cao nhất của nghệ thuật? Điều đó mãi mãi là một bí mật. Ngay khi còn sống, ông đã chiếm lĩnh một vị trí trong ngôi đền của những danh cầm thế kỷ, bên cạnh Rubinstein, Casals, Toscanini, Heifetz và Horowitz. Giống như các danh cầm kia, ông quyền rũ được công chúng là nhờ ghi âm thu đĩa. Sự nghiệp nửa thế kỷ ghi âm của Segovia bắt đầu tại London ngày 2 tháng Năm 1927 và kết thúc với lần thu tại Madrid ngày 23 tháng Sáu 1977. Vào những năm cuối đời, Segovia vẫn còn nhận được tiền tác quyền của đĩa nhạc ghi âm đầu tiên đạo ấy. Segovia đã ghi âm hơn 30 đĩa nhạc và các đĩa ấy đã được tái bản liên tục cho tới bây giờ.

Trong những thập niên cuối cùng, Segovia tổ chức nhiều lớp chuyên tu (master class) ở Santiago de Compostella, Tây Ban Nha cũng như ở nhiều nhạc viện trên khắp thế giới. Ba tháng trước khi từ trần, Segovia vẫn còn giảng dạy trong những khóa chuyên tu như vậy ở Nhạc Viện Manhattan và thính đường Carnegie Hall, Hoa Kỳ. Ông cũng từng giảng dạy nhiều năm ở Siena, Italia. Được thụ giáo Andrés Segovia là một nhãn hiệu công nhận quốc tế đối với nhiều guitarist thế hệ sau như Julian Bream, John Williams, Eliot Fisk và Christopher Parkening.

Cuộc hôn nhân đầu tiên của Segovia kết thúc bằng một quyết định ly dị năm 1951. Mười năm sau, ông thành hôn với người vợ kế Emilia del Corral. Khi ấy ông đã 68 tuổi trong khi Emilia chỉ mới ngoài 20. Emilia từng là môn đệ guitar của ông suốt 12 năm trời. Cậu con trai của họ, Carlos Andrés, chào đời khi Segovia đã 77 tuổi. Cậu bé này cách biệt hai người con đầu của Segovia đến nửa thế kỷ!

Segovia có lần bông đùa với một nhà báo trong một cuộc phỏng

vấn: "Tôi nổi tiếng là một người cha hơn là một nhà nghệ sĩ!" Sức khỏe dần suy giảm theo thời gian, Segovia không còn duy trì được nhịp độ căng thẳng của 100 lần biểu diễn một năm như trước. Ông lui về nghỉ ngơi trong một ngôi nhà trên đỉnh đồi ở Granada quê hương. Dù vậy, ông vẫn tiếp tục duy trì khoảng 10 buổi trình diễn mỗi mùa và dạy các lớp chuyên tu gần như đến tận cùng cuộc đời mình – một cuộc đời với tình yêu bất diệt dành cho cây đàn guitar.

Nhìn lại lịch sử âm nhạc, thật ngạc nhiên khi thấy rằng chỉ có ít nhạc sĩ có thể làm thay đổi đáng kể lịch sử của loại nhạc cụ họ chọn lựa. Listz, Paganini và Casals đã làm thay đổi lịch sử của piano, violon và cello, chủ yếu qua những cải tiến cách mạng về mặt kỹ thuật. Wanda Landowska đã làm thay đổi số phận của cây đàn harp. Trong danh sách cực kỳ ngắn ấy, ta có thể thêm vào cái tên Andrés Segovia. Thế giới âm nhạc đã từ lâu công nhận rằng Segovia không những đã hoàn thiện kỹ thuật của một vài người tiên phong ở thế kỷ 19 mà còn vượt xa hơn cả các bậc tiền bối ấy trong tài soạn nhạc nữa.

Những gì Segovia đạt được trong sự nghiệp biểu diễn chính là sự tái sinh – một số người dám nói là sự khai sinh – của cây đàn guitar như một nhạc cụ trình tấu nghiêm túc. Cả cuộc đời ông là một cuộc thánh chiến để cứu vớt chiếc đàn sáu dây này thoát khỏi cảnh thấp hèn của một nhạc cụ "du đặng".

Giờ đây, khi thế kỷ 21 bắt đầu ló dạng, sứ mệnh của nhà tiên tri đã hoàn thành. Cây đàn guitar cổ điển – sở dĩ được mang cái tên này là do cấu trúc truyền thống và phương pháp chơi đàn chứ không phải vì vốn nhạc của nó – đã có chỗ đứng hàng hoàng trên sàn

diễn bên cạnh những nhạc cụ độc tấu nổi bật nhất: violon, piano, cello.

Khi Segovia bước vào những năm tháng cuối đời, những buổi trình diễn của ông vẫn liên tục đầy ắp thính giả. Segovia là một minh chứng cho sự trường thọ và sung mãn. Ông là một trong số rất ít những nhạc sĩ vẫn còn trình diễn ở tuổi 80 và 90. Lúc cuối đời, khi mắt ông bị cườm và thị giác đã mờ phải dùng đôi mắt kính dày cộm mới thấy rõ, một người bạn quan tâm hỏi ông sao vẫn tiếp tục làm việc quá sức ở cái tuổi già lão này. Ông đáp – một câu trả lời đối nghịch tiêu biểu Segovia:

"Tôi còn cả thiên thu để an nghỉ."

TRẦN ĐỨC TÀI dịch
(theo Donald Henaban, "The Segovia Legacy")

_____d^avⁱncⁱv^o_____

Họa Mi (Paris, France)